

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Căn cứ vào các điều 212, 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, các điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 42/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Ông Ngô Văn T; sinh năm: 1975

Hộ khẩu thường trú: Phường A, Quận T, Thành phố H.

Tạm trú: phường P, Quận , Thành phố H.

2/ Bà Lê Thị Thanh Đ; sinh năm: 1972

Hộ khẩu thường trú: Phường 24, quận T, Thành phố H.

Tạm trú: Phường T, Quận B, Thành phố H.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Quan hệ hôn nhân giữa ông Ngô Văn T và bà Lê Thị Thanh Đ được xác lập vào năm 2009, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp, do đó khi có yêu cầu ly hôn được áp dụng các quy định về ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình và thủ tục giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình chung sống giữa ông Ngô Văn T và bà Lê Thị Thanh Đ được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, cả hai đều nhận thấy không thể hàn gắn

tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên tự nguyện thuận tình ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là phát sinh việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Xét thấy tình cảm giữa ông Ngô Văn T và bà Lê Thị Thanh Đ đã thật sự không còn, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của ông Ngô Văn T và bà Lê Thị Thanh Đ là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, xét thấy nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 1 con chung là trẻ Ngô Lê Bảo N, giới tính: Nữ, sinh ngày 08 tháng 6 năm 2010. Sau khi ly hôn, cả hai thống nhất bà Lê Thị Thanh Đ sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, ông Ngô Văn T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) thi hành vào ngày 01 hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 01/02/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc phát sinh căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

Trong trường hợp ông Ngô Văn T chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng mà các bên đã thỏa thuận thì kể từ ngày bà Lê Thị Thanh Đ có đơn yêu cầu thi hành án, ông Ngô Văn T phải chịu thêm tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Ông Ngô Văn T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Bà Lê Thị Thanh Đ không được lợi dụng quyền nuôi con để cản trở việc thăm nuôi, chăm sóc giáo dục con chung của ông Ngô Văn T.

[4] Về tài sản chung: Cả hai tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Cả hai tự khai không có nợ chung.

[6] Về lệ phí việc dân sự: Ông Ngô Văn T và bà Lê Thị Thanh Đ chịu lệ phí theo quy định về lệ phí, án phí của Tòa án.

[7] Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Ngô Văn T và bà Lê Thị Thanh Đ thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số: 79 quyển số KH/N09 do Ủy ban nhân dân Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06 tháng 10 năm 2009).

- Về con chung: Có 1 con chung là trẻ Ngô Lê Bảo N, giới tính: Nữ, sinh ngày 08 tháng 6 năm 2010. Sau khi ly hôn, cả hai thống nhất giao cho bà Lê Thị Thanh Đ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, ông Ngô Văn T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) thi hành vào ngày 01 hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 01/02/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc phát sinh căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

Trong trường hợp ông Ngô Văn T chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng mà các bên đã thỏa thuận thì kể từ ngày bà Lê Thị Thanh Đ có đơn yêu cầu thi hành án, ông Ngô Văn T phải chịu thêm tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Ông Ngô Văn T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Bà Lê Thị Thanh Đ không được lợi dụng quyền nuôi con để cản trở việc thăm nuôi, chăm sóc giáo dục con chung của ông Ngô Văn T.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Cả hai tự khai không có.

- Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Ngô Văn T và bà Lê Thị Thanh Đ cùng liên đới chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số: AA/2021/0014020 ngày 26 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành dân sự Quận 7;
- Ủy ban nhân dân Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ TK Thơm (10).

**THẨM PHÁN**

**(Đã ký)**

**Bùi Viết Bình**